TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 269/2026/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*:** Bà Trần Thị Thắm

***- Thư ký phiên họp*:** Ông Thái Vương Triều - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 298/2026/LĐ-ST ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 231/2026/QĐMPH-LĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1992; nơi thường trú tại: Ấp H, xã A, tỉnh An Giang. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Xóm V, xã T, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2/ Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái S, chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội cơ sở L. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Công ty TNHH T; địa chỉ: T đất số 105, TBĐ 07 A4), Khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu - bà Đoàn Thị H trình bày:

Do có nhu cầu hưởng bảo hiểm xã hội một lần nên bà H đến Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu làm thủ tục theo quy định. Tại đây, bà được thông báo theo dữ liệu quản lý, trong thời gian từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017 bà

có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T1).

Tuy nhiên, bà H xác định trong khoảng thời gian nêu trên bà không làm việc tại Công ty T1 mà đang làm việc tại một công ty khác và được đơn vị này tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định. Bà H trình bày vào thời điểm đó có cho người quen là bà Nguyễn Thị Diễm K mượn giấy chứng minh nhân dân để sử dụng khi xin việc tại Công ty T1 do bà K chưa đủ tuổi lao động. Sau đó, bà K đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty T1 và tham gia bảo hiểm xã hội dưới thông tin nhân thân của bà H.

Bà H cho rằng việc sử dụng thông tin nhân thân của bà để giao kết hợp đồng lao động với Công ty T1 là trái quy định của pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực trong giao kết hợp đồng lao động và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động mang tên bà Đoàn Thị H được giao kết với Công ty T1 trong thời gian từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017 là vô hiệu toàn bộ. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không cung cấp chứng cứ.

- Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm K trình bày:

Bà K và bà Đoàn Thị H là chị em họ. Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017, do chưa đủ tuổi lao động nên bà K có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T. Người trực tiếp làm việc tại Công ty trong thời gian này là bà K, còn bà H đang làm việc tại một công ty khác và tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định.

Hợp đồng lao động được giao kết trên cơ sở sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà H hiện đã bị thất lạc nên bà K không thể cung cấp cho Tòa án. Nay bà Đoàn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động mang tên bà H được giao kết với Công ty TNHH T trong thời gian nêu trên là vô hiệu thì bà K đồng ý. Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội cơ sở L (viết tắt là BHXH) – ông Nguyễn Thái S trình bày:

Qua kiểm tra, đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, bà Đoàn Thị H, sinh ngày 01/01/1992, số chứng minh nhân dân 352152112, số căn cước công dân 089192003614, có mã số BHXH 7416033561 và có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017. Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội này đã được BHXH cơ sở Lái Thiêu chốt sổ và in tờ rời bảo hiểm xã hội vào ngày

14/3/2017; đến nay chưa có dữ liệu về việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần hoặc trợ cấp thất nghiệp.

Đối với hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội của bà H, BHXH cơ sở L không lưu giữ hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm xã hội và các giấy tờ tùy thân có liên quan. BHXH cơ sở L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc lao động.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Đoàn Thị H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị H, bà Nguyễn Thị Diễm K, bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH T vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo dữ liệu do Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu cung cấp, trong thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2017, người lao động mang thông tin nhân thân của bà Đoàn Thị H (sinh ngày 01/01/1992, mã số BHXH 7416033561) được Công ty TNHH T đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, bà H trình bày bản thân không trực tiếp giao kết hợp đồng lao động, không làm việc tại Công ty TNHH T trong thời gian nêu trên mà người thực tế sử dụng giấy tờ tùy thân của bà để giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty là bà Nguyễn Thị Diễm K. Nội dung này được bà Nguyễn Thị Diễm K thừa nhận trong quá trình giải quyết việc lao động.

[2.2] Xét lời trình bày của bà H phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Diễm K và tài liệu do Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu cung cấp, có đủ cơ sở xác định trong thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2017 người trực tiếp giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH T không phải là bà Đoàn Thị H mà là bà Nguyễn Thị Diễm K sử dụng thông tin nhân thân của bà H để xác lập quan hệ lao động. Đồng thời, trong khoảng thời gian này bà H đang làm việc tại doanh nghiệp khác và tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số bảo hiểm xã hội khác, càng có cơ sở khẳng định bà H không phải là người trực tiếp thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH T.

Việc sử dụng giấy tờ tùy thân của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Theo điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Nội dung này cũng phù hợp với hướng dẫn của Bộ L tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về trường hợp người lao động mượn hồ

sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động. Do đó, có đủ căn cứ xác định việc sử dụng thông tin nhân thân của bà Đoàn Thị H để bà Nguyễn Thị Diễm K giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T là hành phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động; thuộc trường đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị H về việc tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa người mang thông tin nhân thân của bà Đoàn Thị H với Công ty TNHH T theo mã số bảo hiểm xã hội 7416033561 trong thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2017 là vô hiệu toàn bộ. Bà H và bà Nguyễn Thị Diễm K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong việc lao động này.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; các Điều 366, 367, 370, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, các Điều 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Đoàn Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động mang tên bà Đoàn Thị H được giao kết với Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017, gắn với quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số BHXH 7416033561, vô hiệu toàn bộ.

Xác định quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số BHXH 7416033561 trong thời gian từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 01 năm 2017 không thuộc quá trình lao động của bà Đoàn Thị H. Bà Đoàn Thị H có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin về quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật trên cơ sở Quyết định này.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0040522 ngày 29/6/2026 của (đúng tên cơ quan ghi trên biên lai). Bà Đoàn Thị H đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Thắm